

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính
lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp
chính quyền trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 440/TTr-SNNMT ngày 23/7/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này quy trình nội bộ giải quyết đối với từng thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh Phú Thọ (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ: trên cơ sở quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính; cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và hướng dẫn các cơ quan có liên quan vận hành, khai thác, sử dụng theo quy định.

2. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm kiểm soát tính hợp lý, hợp pháp của quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được xây dựng, thiết lập trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Sửa đổi, bổ sung: Thủ tục hành chính số thứ tự 2 Mục I và số 1, 3, 4, 7 Mục II Phần A Danh mục thủ tục hành chính cấp tỉnh; Thủ tục số 1, 4, 7 Mục B Danh mục thủ tục hành chính cấp xã ban hành kèm theo Quyết định số 354/QĐ-UBND ngày 16/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết đối với từng TTHC lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ; UBND các xã, phường; các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Huy Ngọc

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT ĐỐI VỚI TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ**

**Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Trang
A	Danh mục thủ tục hành chính cấp tỉnh		
I	Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh		
1	1.014021	Thu hồi giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trong trường hợp cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học đề nghị thu hồi giấy chứng nhận	5
2	1.014022	Quy trình thực hiện thả lại loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ nuôi sinh sản tại cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	6
3	3.000496	Cấp lại mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES	6-8
4	1.008672	Cấp giấy phép khai thác mẫu vật loài nguy cấp, quý, hiếm từ tự nhiên	8-9
5	1.008675	Cấp phép trao đổi, tặng cho mẫu vật của loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	9
6	1.008682	Cấp giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	10
7	1.004819	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES	10-12
8	1.007916	Phê duyệt nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế	12-16
		8.1 Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí đất để trồng rừng thay thế trên địa bàn	
		Địa phương không bố trí được đất để trồng rừng	
		8.2.1 Chủ dự án không đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền	
		8.2.2 Trường hợp Chủ dự án đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền	
II	Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường		
1	3.000501	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là tổ chức thuộc địa phương quản lý	17
2	1.011470	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng	17-18
3	1.000045	Xác nhận bảng kê lâm sản	18

4	1.000047	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	19
5	3.000160	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ	19-20
B	Danh mục thủ tục hành chính cấp xã		
1	3.000502	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	21
2	1.012922	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	21-22
3	1.012531	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	22
4	1.011471	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã.	23
5	1.004082	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	23-24

Phần II
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT ĐỐI VỚI TỪNG TTHC

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

I. TTHC THUỘC THẨM QUYỀN ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

1. Thủ tục (1.014021) Thu hồi giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trong trường hợp cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học đề nghị thu hồi giấy chứng nhận

STT	Trình tự/Nội dung công việc	Trách nhiệm giải quyết	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển xử lý hồ sơ (Đối với trường hợp tiếp nhận tại Trung tâm PVHCC xã thì chuyển về Trung tâm PVHCC tỉnh) - Thông báo bổ sung, hoàn thiện hoặc từ chối giải quyết hồ sơ (nếu có)	- Trung tâm PVHCC của tỉnh; - Trung tâm PVHCC cấp xã nơi nhận hồ sơ	0,25 ngày
Bước 2	Kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ	Chuyên viên được phân công	1,0 ngày
Bước 3	Xây dựng Tờ trình, dự thảo quyết định trình UBND tỉnh thu hồi Giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Chuyên viên được phân công thẩm định	3,0 ngày
Bước 3	Xét duyệt và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt kết quả thẩm định TTHC.	Lãnh đạo phòng, lãnh đạo Chi cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm	1,0 ngày
Bước 4	Xét duyệt kết quả TTHC tại Sở chuyển Văn thư Sở phát hành.	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1,0 ngày
Bước 5	Phát hành, chuyển Bộ phận 1 cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày
Bước 6	Chuyển hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh	Công chức, viên chức của Sở tại Trung tâm PVHCC tỉnh	0,25 ngày
Bước 7	Văn phòng UBND tỉnh		
Bước 7.1	Kiểm tra, tiếp nhận, chuyển xử lý hồ sơ	TTPVHCC tỉnh	0,25 ngày
Bước 7.2	Xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo VPUBND tỉnh phê duyệt	Chuyên viên theo dõi lĩnh vực	1,0 ngày
Bước 7.3	Duyệt hồ sơ, trình lãnh đạo UBND tỉnh ký	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày
Bước 7.4	Ký hồ sơ, chuyển phát hành	Lãnh đạo UBND tỉnh	1,0 ngày
Bước 7.5	Phát hành văn bản, (số hóa đối với các kết quả TTHC chưa được ký số phát hành) chuyển kết quả cho Trung tâm PVHCC tỉnh.	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	0,25 ngày
Bước 8	Nhận kết quả; xác nhận trên phần mềm về kết quả đã có, lưu kho, thông báo trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức hoặc chuyển cho Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã để trả cho cá nhân, tổ chức	- Trung tâm PVHCC tỉnh; - Trung tâm PVHCC cấp xã nơi nhận hồ sơ	0,25 ngày

Tổng thời gian giải quyết		10 ngày
----------------------------------	--	----------------

2. Thủ tục (1.014022) Quy trình thực hiện thả lại loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ nuôi sinh sản tại cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học

STT	Trình tự/Nội dung công việc	Trách nhiệm giải quyết	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển xử lý hồ sơ (Đối với trường hợp tiếp nhận tại Trung tâm PVHCC xã thì chuyển về Trung tâm PVHCC tỉnh) - Thông báo bổ sung, hoàn thiện hoặc từ chối giải quyết hồ sơ (nếu có)	- Trung tâm PVHCC của tỉnh; - Trung tâm PVHCC cấp xã nơi nhận hồ sơ	0,5 ngày
Bước 2	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên được phân công	12,5 ngày
Bước 2.1	Xi ý kiến tham vấn cơ quan khoa học CITES, cơ quan quản lý nhà nước, chuyên gia có liên quan và cơ quan có thẩm quyền quản lý khu vực dự kiến thả bằng văn bản	- Lãnh đạo Sở, lãnh đạo Chi cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm - Chuyên viên được phân công	2,5 ngày
Bước 2.2	Cơ quan khoa học, cơ quan quản lý nhà nước có liên quan và cơ quan có thẩm quyền quản lý khu vực dự kiến thả trả lời bằng văn bản Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cơ quan liên quan	10 ngày
Bước 3	Phê duyệt Phương án	- Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	2,5 ngày
Bước 4	Phát hành, chuyển Bộ phận 1 cửa của Sở Nông nghiệp và Môi trường	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày
Bước 5	Nhận kết quả; xác nhận trên phần mềm về kết quả đã có, lưu kho, thông báo trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức hoặc chuyển cho Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã để trả cho cá nhân, tổ chức	- Trung tâm PVHCC tỉnh; - Trung tâm PVHCC cấp xã nơi nhận hồ sơ	0,25 ngày
Tổng thời gian giải quyết			16 ngày

3. Thủ tục (3.000496): Cấp lại mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES (Trường hợp cơ sở nuôi, trồng đã được cấp mã số có thay đổi, bổ sung địa điểm nuôi, trồng, mục đích nuôi, trồng hoặc bổ sung loài nuôi, trồng.

STT	Trình tự/Nội dung công việc	Trách nhiệm giải quyết	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển xử lý hồ sơ (Đối với trường hợp tiếp nhận tại Trung tâm PVHCC xã thì chuyển về Trung tâm	- Trung tâm PVHCC của tỉnh; - Trung tâm PVHCC cấp xã nơi nhận hồ sơ	0,5 ngày

	PVHCC tỉnh). - Thông báo bổ sung, hoàn thiện hoặc từ chối giải quyết hồ sơ (nếu có)		
Bước 2	Thẩm định hồ sơ	- Chuyên viên được phân công thẩm định	1,0 ngày
Trường hợp 1	Kết quả xác định hồ sơ hợp lệ và không thuộc trường hợp cần kiểm tra thực tế các điều kiện nuôi, trồng		
Bước 3	Xét duyệt và trình Lãnh đạo Chi cục phê duyệt kết quả thẩm định TTHC.	Lãnh đạo phòng Chi cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm.	0,5 ngày
Bước 4	Xét duyệt kết quả TTHC tại Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Chi cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm	0,5 ngày
Bước 5	Phát hành văn bản, chuyển kết quả cho Trung tâm PVHCC tỉnh.	Văn thư + Chuyên viên	0,25 ngày
Bước 6	Nhận kết quả; xác nhận trên phần mềm về kết quả đã có, lưu kho, thông báo trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức hoặc chuyển cho Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã để trả cho cá nhân, tổ chức	- Trung tâm PVHCC tỉnh; - Trung tâm PVHCC cấp xã nơi nhận hồ sơ	0,25 ngày
Trường hợp 2	Kết quả xác định hồ sơ hợp lệ và thuộc trường hợp cần kiểm tra thực tế các điều kiện nuôi, trồng		
Bước 3	Kiểm tra thực địa	Chuyên viên được phân công	11,0 ngày
Bước 4	Xét duyệt và trình Lãnh đạo Chi cục phê duyệt kết quả thẩm định TTHC.	Lãnh đạo phòng Chi cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm.	1,0 ngày
Bước 5	Xét duyệt kết quả TTHC tại Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Chi cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm	1,0 ngày
Bước 6	Phát hành văn bản, chuyển kết quả cho Trung tâm PVHCC tỉnh.	Văn thư + Chuyên viên	0,25 ngày
Bước 7	Nhận kết quả; xác nhận trên phần mềm về kết quả đã có, lưu kho, thông báo trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức hoặc chuyển cho Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã để trả cho cá nhân, tổ chức	- Trung tâm PVHCC tỉnh; - Trung tâm PVHCC cấp xã nơi nhận hồ sơ	0,25 ngày
Trường hợp 3	Kết quả xác định hồ sơ hợp lệ và trường hợp nuôi loài động vật, thực vật hoang dã thuộc phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu		
Bước 3	Kiểm tra thực địa	Chuyên viên được phân công	12,0 ngày
Bước 4	Gửi Văn bản đề nghị Cơ quan khoa học CITES Việt Nam xác nhận theo quy định; Dự thảo kết quả giải quyết TTHC	Chuyên viên được phân công; Cơ quan khoa học CITES Việt Nam	8,0 ngày
Bước 5	Xét duyệt và trình Lãnh đạo Chi cục phê duyệt kết quả thẩm định TTHC.	Lãnh đạo phòng Chi cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm.	1,0 ngày
Bước 6	Xét duyệt kết quả TTHC tại Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Chi cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm	1,0 ngày
Bước 7	Phát hành văn bản, chuyển kết quả cho Trung tâm PVHCC tỉnh.	Văn thư + Chuyên viên	0,25 ngày
Bước 8	Nhận kết quả; xác nhận trên phần	- Trung tâm PVHCC tỉnh;	0,25 ngày

	mềm về kết quả đã có, lưu kho, thông báo trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức hoặc chuyển cho Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã để trả cho cá nhân, tổ chức	- Trung tâm PVHCC cấp xã nơi nhận hồ sơ	
Trường hợp 4	Kết quả xác định hồ sơ hợp lệ và trường hợp nuôi, trồng các loài thuộc Phụ lục I Công ước CITES không có phân bố tự nhiên tại Việt Nam và lần đầu tiên đăng ký nuôi, trồng tại Việt Nam		
Bước 3	Gửi Văn bản đề nghị Cơ quan khoa học CITES Việt Nam xác nhận theo quy định; Duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chi cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm; Cơ quan khoa học CITES Việt Nam	7,0 ngày
Bước 4	Nhận kết quả; xác nhận trên phần mềm về kết quả đã có, lưu kho, thông báo trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức hoặc chuyển cho Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã để trả cho cá nhân, tổ chức	- Trung tâm PVHCC tỉnh; - Trung tâm PVHCC cấp xã nơi nhận hồ sơ	0,5 ngày
Tổng thời gian giải quyết			TH1: 3,0 ngày; TH2: 15,0 ngày; TH3: 24,0 ngày; TH4: 9,0 ngày.

4. Thủ tục (1.008672) : Cấp giấy phép khai thác mẫu vật loài nguy cấp, quý, hiếm từ tự nhiên

STT	Trình tự/Nội dung công việc	Trách nhiệm giải quyết	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển xử lý hồ sơ (Đối với trường hợp tiếp nhận tại Trung tâm PVHCC xã thì chuyển về Trung tâm PVHCC tỉnh) - Thông báo bổ sung, hoàn thiện hoặc từ chối giải quyết hồ sơ (nếu có)	- Trung tâm PVHCC của tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Thẩm định hồ sơ	- Lãnh đạo Sở, lãnh đạo Chi cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm - Chuyên viên được phân công thẩm định	11,0 ngày
Bước 3	Xét duyệt và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt kết quả thẩm định TTHC.	Lãnh đạo phòng, lãnh đạo Chi cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm	1,5 ngày
Bước 4	Xét duyệt kết quả TTHC tại Sở chuyển Văn thư Sở phát hành.	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1,25 ngày
Bước 5	Phát hành, chuyển Bộ phận 1 cửa của Sở Nông nghiệp và Môi trường	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày
Bước 6	Chuyển hồ sơ đến Văn phòng UBND	Công chức, viên chức của	0,25 ngày

	tỉnh	Sở tại Trung tâm PVHCC tỉnh	
Bước 7	Văn phòng UBND tỉnh		
Bước 7.1	Kiểm tra, tiếp nhận, chuyển xử lý hồ sơ	TTPVHCC tỉnh	0,25 ngày
Bước 7.2	Xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo VPUBND tỉnh phê duyệt	Chuyên viên theo dõi lĩnh vực	1,0 ngày
Bước 7.3	Duyệt hồ sơ, trình lãnh đạo UBND tỉnh ký	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày
Bước 7.4	Ký hồ sơ, chuyển phát hành	Lãnh đạo UBND tỉnh	1,0 ngày
Bước 7.5	Phát hành văn bản, (số hóa đối với các kết quả TTHC chưa được ký số phát hành) chuyển kết quả cho Trung tâm PVHCC tỉnh.	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	0,25 ngày
Bước 8	Nhận kết quả; xác nhận trên phần mềm về kết quả đã có, lưu kho, thông báo trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức hoặc chuyển cho Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã để trả cho cá nhân, tổ chức	- Trung tâm PVHCC tỉnh	0,25 ngày
Tổng thời gian giải quyết			18 ngày

5. Thủ tục (1.008675): Cấp phép trao đổi, tặng cho mẫu vật của loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ

STT	Trình tự/Nội dung công việc	Trách nhiệm giải quyết	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển xử lý hồ sơ (Đối với trường hợp tiếp nhận tại Trung tâm PVHCC xã thì chuyển về Trung tâm PVHCC tỉnh) - Thông báo bổ sung, hoàn thiện hoặc từ chối giải quyết hồ sơ (nếu có)	- Trung tâm PVHCC của tỉnh; - Trung tâm PVHCC cấp xã nơi nhận hồ sơ	0,5 ngày
Bước 2	Thẩm định hồ sơ	- Chuyên viên được phân công thẩm định	12,0 ngày
Bước 3	Xét duyệt và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt kết quả thẩm định TTHC.	Lãnh đạo phòng, lãnh đạo Chi cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm	1,0 ngày
Bước 4	Xét duyệt kết quả TTHC tại Sở chuyển Văn thư Sở phát hành.	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1,0 ngày
Bước 5	Phát hành, chuyển Bộ phận 1 cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày
Bước 6	Nhận kết quả; xác nhận trên phần mềm về kết quả đã có, lưu kho, thông báo trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức hoặc chuyển cho Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã để trả cho cá nhân, tổ chức	- Trung tâm PVHCC tỉnh; - Trung tâm PVHCC cấp xã nơi nhận hồ sơ	0,25 ngày
Tổng thời gian giải quyết			15 ngày

6. Thủ tục (1.008682): Cấp Giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học

STT	Trình tự/Nội dung công việc	Trách nhiệm giải quyết	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển xử lý hồ sơ (Đối với trường hợp tiếp nhận tại Trung tâm PVHCC xã thì chuyển về Trung tâm PVHCC tỉnh) - Thông báo bổ sung, hoàn thiện hoặc từ chối giải quyết hồ sơ (nếu có)	- Trung tâm PVHCC của tỉnh; - Trung tâm PVHCC cấp xã nơi nhận hồ sơ	0,5 ngày
Bước 2	Kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ	Chuyên viên được phân công	2,5 ngày
Bước 3	Thành lập Hội đồng thẩm định và tổ chức thẩm định hồ sơ	- Lãnh đạo Sở, lãnh đạo Chi cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm - Chuyên viên được phân công thẩm định	18,0 ngày
Bước 3	Xét duyệt và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt kết quả thẩm định TTHC.	Lãnh đạo phòng, lãnh đạo Chi cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm	2,0 ngày
Bước 4	Xét duyệt kết quả TTHC tại Sở chuyển Văn thư Sở phát hành.	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày
Bước 5	Phát hành, chuyển Bộ phân 1 của của Sở Nông nghiệp và Môi trường	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày
Bước 6	Chuyển hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh	Công chức, viên chức của Sở tại Trung tâm PVHCC tỉnh	0,25 ngày
Bước 7	Văn phòng UBND tỉnh		
Bước 7.1	Kiểm tra, tiếp nhận, chuyển xử lý hồ sơ	TTPVHCC tỉnh	0,25 ngày
Bước 7.2	Xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo VPUBND tỉnh phê duyệt	Chuyên viên theo dõi lĩnh vực	1,0 ngày
Bước 7.3	Duyệt hồ sơ, trình lãnh đạo UBND tỉnh ký	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày
Bước 7.4	Ký hồ sơ, chuyển phát hành	Lãnh đạo UBND tỉnh	1,0 ngày
Bước 7.5	Phát hành văn bản, (số hóa đối với các kết quả TTHC chưa được ký số phát hành) chuyển kết quả cho Trung tâm PVHCC tỉnh.	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	0,25 ngày
Bước 8	Nhận kết quả; xác nhận trên phần mềm về kết quả đã có, lưu kho, thông báo trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức hoặc chuyển cho Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã để trả cho cá nhân, tổ chức	- Trung tâm PVHCC tỉnh; - Trung tâm PVHCC cấp xã nơi nhận hồ sơ	0,25 ngày
Tổng thời gian giải quyết			27 ngày

7. Thủ tục (1.004819): Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES

STT	Trình tự/Nội dung công việc	Trách nhiệm giải quyết	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển xử lý hồ sơ (Đối với trường hợp tiếp nhận tại Trung tâm PVHCC xã thì chuyển về Trung tâm PVHCC tỉnh). - Thông báo bổ sung, hoàn thiện hoặc từ chối giải quyết hồ sơ (nếu có)	- Trung tâm PVHCC của tỉnh; - Trung tâm PVHCC cấp xã nơi nhận hồ sơ	0,5 ngày
Bước 2	Thẩm định hồ sơ	- Chuyên viên được phân công thẩm định	1,0 ngày
Trường hợp 1	<i>Kết quả xác định hồ sơ hợp lệ và không thuộc trường hợp cần kiểm tra thực tế các điều kiện nuôi, trồng</i>		
Bước 3	Xét duyệt và trình Lãnh đạo Chi cục phê duyệt kết quả thẩm định TTHC.	Lãnh đạo phòng Chi cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm.	0,5 ngày
Bước 4	Xét duyệt kết quả TTHC tại Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Chi cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm	0,5 ngày
Bước 5	Phát hành văn bản, chuyển kết quả cho Trung tâm PVHCC tỉnh.	Văn thư + Chuyên viên	0,25 ngày
Bước 6	Nhận kết quả; xác nhận trên phần mềm về kết quả đã có, lưu kho, thông báo trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức hoặc chuyển cho Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã để trả cho cá nhân, tổ chức	- Trung tâm PVHCC tỉnh; - Trung tâm PVHCC cấp xã nơi nhận hồ sơ	0,25 ngày
Trường hợp 2	<i>Kết quả xác định hồ sơ hợp lệ và thuộc trường hợp cần kiểm tra thực tế các điều kiện nuôi, trồng</i>		
Bước 3	Kiểm tra thực địa	Chuyên viên được phân công	11,0 ngày
Bước 4	Xét duyệt và trình Lãnh đạo Chi cục phê duyệt kết quả thẩm định TTHC.	Lãnh đạo phòng Chi cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm.	1,0 ngày
Bước 5	Xét duyệt kết quả TTHC tại Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Chi cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm	1,0 ngày
Bước 6	Phát hành văn bản, chuyển kết quả cho Trung tâm PVHCC tỉnh.	Văn thư + Chuyên viên	0,25 ngày
Bước 7	Nhận kết quả; xác nhận trên phần mềm về kết quả đã có, lưu kho, thông báo trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức hoặc chuyển cho Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã để trả cho cá nhân, tổ chức	- Trung tâm PVHCC tỉnh; - Trung tâm PVHCC cấp xã nơi nhận hồ sơ	0,25 ngày
Trường hợp 3	<i>Kết quả xác định hồ sơ hợp lệ và trường hợp nuôi loài động vật, thực vật hoang dã thuộc phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu</i>		
Bước 3	Kiểm tra thực địa	Chuyên viên được phân công	12,0 ngày
Bước 4	Gửi Văn bản đề nghị Cơ quan khoa học CITES Việt Nam xác nhận theo quy định; Dự thảo kết quả giải quyết TTHC	Chuyên viên được phân công; Cơ quan khoa học CITES Việt Nam	8,0 ngày

Bước 5	Xét duyệt và trình Lãnh đạo Chi cục phê duyệt kết quả thẩm định TTHC.	Lãnh đạo phòng Chi cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm.	1,0 ngày
Bước 6	Xét duyệt kết quả TTHC tại Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Chi cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm	1,0 ngày
Bước 7	Phát hành văn bản, chuyển kết quả cho Trung tâm PVHCC tỉnh.	Văn thư + Chuyên viên	0,25 ngày
Bước 8	Nhận kết quả; xác nhận trên phần mềm về kết quả đã có, lưu kho, thông báo trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức hoặc chuyển cho Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã để trả cho cá nhân, tổ chức	- Trung tâm PVHCC tỉnh; - Trung tâm PVHCC cấp xã nơi nhận hồ sơ	0,25 ngày
Trường hợp 4	Kết quả xác định hồ sơ hợp lệ và trường hợp nuôi, trồng các loài thuộc Phụ lục I Công ước CITES không có phân bố tự nhiên tại Việt Nam và lần đầu tiên đăng ký nuôi, trồng tại Việt Nam		
Bước 3	Gửi Văn bản đề nghị Cơ quan khoa học CITES Việt Nam xác nhận theo quy định; Duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chi cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm; Cơ quan khoa học CITES Việt Nam	7,0 ngày
Bước 4	Nhận kết quả; xác nhận trên phần mềm về kết quả đã có, lưu kho, thông báo trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức hoặc chuyển cho Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã để trả cho cá nhân, tổ chức	- Trung tâm PVHCC tỉnh; - Trung tâm PVHCC cấp xã nơi nhận hồ sơ	0,5 ngày
Tổng thời gian giải quyết			TH1: 3,0 ngày; TH2: 15,0 ngày; TH3: 24,0 ngày; TH4: 9,0 ngày.

8. Thủ tục (1.007916): Phê duyệt nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế

8.1 Trường hợp: Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí đất để trồng rừng thay thế trên địa bàn

STT	Trình tự/Nội dung công việc	Trách nhiệm giải quyết	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển xử lý hồ sơ (Đối với trường hợp tiếp nhận tại Trung tâm PVHCC xã thì chuyển về Trung tâm PVHCC tỉnh) - Thông báo bổ sung, hoàn thiện hoặc từ chối giải quyết hồ sơ (nếu có)	- Trung tâm PVHCC của tỉnh; - Trung tâm PVHCC cấp xã nơi nhận hồ sơ	0,25 ngày
Bước 2	Nghiên cứu hồ sơ TTHC, đề xuất nội dung, báo cáo Lãnh đạo phòng chuyên môn, Chi cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm đề xuất Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm theo quy định	Chuyên viên được phân công thẩm định	1,0 ngày

Bước 3	Xét duyệt và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt kết quả thẩm định TTHC.	Lãnh đạo phòng, chi cục - Chi cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm	0,5 ngày
Bước 4	Xét duyệt kết quả TTHC tại Sở chuyển Văn thư sở phát hành.	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và MT	0,5 ngày
Bước 5	Phát hành, chuyển Bộ phận 1 cửa của Sở	Văn thư Sở Nông nghiệp và MT	0,25 ngày
Bước 6	Chuyển hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh	Công chức, viên chức của Sở tại Trung tâm PVHCC tỉnh	0,25 ngày
Bước 7	Văn phòng UBND tỉnh		
Bước 7.1	Kiểm tra, tiếp nhận, chuyển xử lý hồ sơ	TTPVHCC tỉnh	0,125 ngày
Bước 7.2	Xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo VPUBND tỉnh phê duyệt	Chuyên viên theo dõi lĩnh vực	1,0 ngày
Bước 7.3	Duyệt hồ sơ, trình lãnh đạo UBND tỉnh ký	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày
Bước 7.4	Ký hồ sơ, chuyển phát hành	Lãnh đạo UBND tỉnh	0,5 ngày
Bước 7.5	Phát hành văn bản, (số hóa đối với các kết quả TTHC chưa được ký số phát hành) chuyển kết quả cho Trung tâm PVHCC tỉnh.	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	0,125 ngày
Bước 8	- Thông báo cho Chủ dự án nộp tiền vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh - Chủ dự án nộp tiền vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng	7,0 ngày
Bước 9	- Thông báo bằng Văn bản cho chủ dự án về việc hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế - Chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng	3,0 ngày
Bước 10	Nhận kết quả; xác nhận trên phần mềm về kết quả đã có, lưu kho, thông báo trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức hoặc chuyển cho Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã để trả cho cá nhân, tổ chức	- Trung tâm PVHCC tỉnh; - Trung tâm PVHCC cấp xã nơi nhận hồ sơ	
Tổng thời gian giải quyết			15 ngày

8.2. Trường hợp: Địa phương không bố trí được đất để trồng rừng

8.2.1. Trường hợp: Chủ dự án không đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền

STT	Trình tự/Nội dung công việc	Trách nhiệm giải quyết	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển xử lý hồ sơ (Đối với trường hợp tiếp nhận tại Trung tâm PVHCC xã thì chuyển về Trung tâm PVHCC tỉnh) - Thông báo bổ sung, hoàn thiện hoặc	- Trung tâm PVHCC của tỉnh; - Trung tâm PVHCC cấp xã nơi nhận hồ sơ	0,25 ngày

	từ chối giải quyết hồ sơ (nếu có)		
Bước 2	Nghiên cứu hồ sơ TTHC, đề xuất nội dung, báo cáo Lãnh đạo phòng chuyên môn, Chi cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm đề xuất Lãnh đạo Chi cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm theo quy định	Chuyên viên được phân công thẩm định	1,25 ngày
Bước 3	Xét duyệt và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt kết quả thẩm định TTHC.	Lãnh đạo phòng, chi cục - Chi cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm	0,5 ngày
Bước 4	Xét duyệt kết quả TTHC tại Sở chuyển Văn thư sở phát hành.	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và MT	0,5 ngày
Bước 5	Phát hành, chuyển Bộ phận 1 của của Sở	Văn thư Sở Nông nghiệp và MT	0,25 ngày
Bước 6	Chuyển hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh	Công chức, viên chức của Sở tại Trung tâm PVHCC tỉnh	0,25 ngày
Bước 7	Văn phòng UBND tỉnh		
Bước 7.1	Kiểm tra, tiếp nhận, chuyển xử lý hồ sơ	TTPVHCC tỉnh	0,25 ngày
Bước 7.2	Xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo VPUBND tỉnh phê duyệt	Chuyên viên theo dõi lĩnh vực	1,0 ngày
Bước 7.3	Duyệt hồ sơ, trình lãnh đạo UBND tỉnh ký	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	0,25 ngày
Bước 7.4	Ký hồ sơ, chuyển phát hành	Lãnh đạo UBND tỉnh	0,25 ngày
Bước 7.5	Phát hành văn bản, (số hóa đối với các kết quả TTHC chưa được ký số phát hành) chuyển kết quả cho Trung tâm PVHCC tỉnh.	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	0,25 ngày
Bước 8	Văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	5,0 ngày
Bước 9	Văn bản xác nhận về việc bố trí địa điểm trồng rừng thay thế và đơn giá trồng rừng, gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường	UBND nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế	8,0 ngày
Bước 10	Thông báo hoặc giao cơ quan chuyên môn trực thuộc thông báo cho UBND tỉnh nơi đề nghị nộp tiền trồng rừng thay thế theo quy định	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	3,0 ngày
Bước 11	Văn phòng UBND tỉnh		
Bước 11.1	Kiểm tra, tiếp nhận, chuyển xử lý hồ sơ	TTPVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 11.2	Xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo VPUBND tỉnh phê duyệt	Chuyên viên theo dõi lĩnh vực	1,0 ngày
Bước 11.3	Duyệt hồ sơ, trình lãnh đạo UBND tỉnh ký	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày
Bước 11.4	Ký hồ sơ, chuyển phát hành	Lãnh đạo UBND tỉnh	0,5 ngày
Bước 11.5	Phát hành văn bản, (số hóa đối với các kết quả TTHC chưa được ký số phát hành) chuyển kết quả cho Trung tâm PVHCC tỉnh.	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày

Bước 12	- Thông báo cho Chủ dự án nộp tiền vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh - Chủ dự án nộp tiền vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng	8,0 ngày
Bước 13	- Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền: - Chuyển tiền về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam - Gửi chủ dự án thông báo hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng	3,0 ngày
Bước 14	Nhận kết quả; xác nhận trên phần mềm về kết quả đã có, lưu kho, thông báo trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức hoặc chuyển cho Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã để trả cho cá nhân, tổ chức	- Trung tâm PVHCC tỉnh; - Trung tâm PVHCC cấp xã nơi nhận hồ sơ	
Tổng thời gian giải quyết			35 ngày

*Ghi chú: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ tiền trồng rừng thay thế, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam điều chuyển tiền về Quỹ Bảo vệ rừng cấp tỉnh nơi tiếp nhận tiền để trồng rừng thay thế.

8.2.2. Trường hợp Chủ dự án đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền

STT	Trình tự/Nội dung công việc	Trách nhiệm giải quyết	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển xử lý hồ sơ (Đối với trường hợp tiếp nhận tại Trung tâm PVHCC xã thì chuyển về Trung tâm PVHCC tỉnh) - Thông báo bổ sung, hoàn thiện hoặc từ chối giải quyết hồ sơ (nếu có)	- Trung tâm PVHCC của tỉnh; - Trung tâm PVHCC cấp xã nơi nhận hồ sơ	0,25 ngày
Bước 2	Nghiên cứu hồ sơ TTHC, đề xuất nội dung, báo cáo Lãnh đạo phòng chuyên môn, Chi cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm đề xuất Lãnh đạo Chi cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm theo quy định	Chuyên viên được phân công thẩm định	1,0 ngày
Bước 3	Xét duyệt và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt kết quả thẩm định TTHC.	Lãnh đạo phòng, chi cục - Chi cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm	0,5 ngày
Bước 4	Xét duyệt kết quả TTHC tại Sở chuyển Văn thư Sở phát hành.	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và MT	0,5 ngày
Bước 5	Phát hành, chuyển Bộ phận 1 cửa của Sở	Văn thư Sở Nông nghiệp và MT	0,25 ngày
Bước 6	Chuyển hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh	Công chức, viên chức của Sở tại Trung tâm PVHCC tỉnh	0,25 ngày
Bước 7	Văn phòng UBND tỉnh		

Bước 7.1	Kiểm tra, tiếp nhận, chuyển xử lý hồ sơ	TTPVHCC tỉnh	0,25 ngày
Bước 7.2	Xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo VPUBND tỉnh phê duyệt	Chuyên viên theo dõi lĩnh vực	1,0 ngày
Bước 7.3	Duyệt hồ sơ, trình lãnh đạo UBND tỉnh ký	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	0,25 ngày
Bước 7.4	Ký hồ sơ, chuyển phát hành	Lãnh đạo UBND tỉnh	0,5 ngày
Bước 7.5	Phát hành văn bản, (số hóa đối với các kết quả TTHC chưa được ký số phát hành) chuyển kết quả cho Trung tâm PVHCC tỉnh.	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	0,25 ngày
Bước 8	Nộp tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi chủ dự án nộp hồ sơ	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng	8,0 ngày
Bước 9	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền gửi chủ dự án thông báo hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh	3,0 ngày
Bước 10	Văn phòng UBND tỉnh		
Bước 10.1	Kiểm tra, tiếp nhận, chuyển xử lý hồ sơ	TTPVHCC tỉnh	0,25 ngày
Bước 10.2	Xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo VPUBND tỉnh phê duyệt	Chuyên viên theo dõi lĩnh vực	1,0 ngày
Bước 10.3	Duyệt hồ sơ, trình lãnh đạo UBND tỉnh ký	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày
Bước 10.4	Ký hồ sơ, chuyển phát hành	Lãnh đạo UBND tỉnh	1,0 ngày
Bước 10.5	Phát hành văn bản, (số hóa đối với các kết quả TTHC chưa được ký số phát hành) chuyển kết quả cho Trung tâm PVHCC tỉnh.	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	0,25 ngày
Trường hợp 1	<i>Trường hợp số tiền đã nộp theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền thấp hơn số tiền phải nộp theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế</i>		
Bước 11	- Chủ dự án nộp bổ sung nộp số tiền chênh lệch vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi chủ dự án nộp hồ sơ - Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh gửi chủ dự án thông báo hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng	7,0 ngày
Trường hợp 2	<i>Trường hợp số tiền đã nộp theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền cao hơn số tiền phải nộp theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế</i>		
Bước 11	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh: - Hoàn trả kinh phí chênh lệch cho chủ dự án theo quy định - Gửi chủ dự án thông báo hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng	7,0 ngày
Bước 12	Nhận kết quả; xác nhận trên phần mềm về kết quả đã có, lưu kho, thông báo trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức hoặc chuyển cho Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã để trả cho cá	- Trung tâm PVHCC tỉnh; - Trung tâm PVHCC cấp xã nơi nhận hồ sơ	

	nhân, tổ chức		
	Tổng thời gian giải quyết		26 ngày

II. TTHC THUỘC THẨM QUYỀN CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Thủ tục (3.000501): Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là tổ chức thuộc địa phương quản lý

STT	Trình tự/Nội dung công việc	Trách nhiệm giải quyết	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển xử lý hồ sơ (Đối với trường hợp tiếp nhận tại Trung tâm PVHCC xã thì chuyển về Trung tâm PVHCC tỉnh). - Thông báo bổ sung, hoàn thiện hoặc từ chối giải quyết hồ sơ (nếu có)	- Trung tâm PVHCC tỉnh; - Trung tâm PVHCC cấp xã nơi nhận hồ sơ	1,0 ngày
Bước 2	Thẩm định hồ sơ	- Chuyên viên được phân công thẩm định	15,0 ngày
Bước 3	Xét duyệt và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt kết quả thẩm định TTHC.	Lãnh đạo phòng, lãnh đạo Chi cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm	2,0 ngày
Bước 4	Xét duyệt kết quả TTHC tại Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Sở	7,0 ngày
Bước 5	Phát hành văn bản, chuyển kết quả cho Trung tâm PVHCC tỉnh.	Văn thư + Chuyên viên	0,5 ngày
Bước 6	Nhận kết quả; xác nhận trên phần mềm về kết quả đã có, lưu kho, thông báo trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức hoặc chuyển cho Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã để trả cho cá nhân, tổ chức	- Trung tâm PVHCC tỉnh; - Trung tâm PVHCC cấp xã nơi nhận hồ sơ	0,5 ngày
Tổng thời gian giải quyết			26 ngày

2. Thủ tục (1.011470): Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng

STT	Trình tự/Nội dung công việc	Trách nhiệm giải quyết	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển xử lý hồ sơ (Đối với trường hợp tiếp nhận tại Trung tâm PVHCC xã thì chuyển về Trung tâm PVHCC tỉnh). - Thông báo bổ sung, hoàn thiện hoặc từ chối giải quyết hồ sơ (nếu có)	- Trung tâm PVHCC của tỉnh; - Trung tâm PVHCC cấp xã nơi nhận hồ sơ	0,5 ngày
Bước 2	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên được phân công thẩm định	1,0 ngày đối với trường hợp không cần xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt

			phương án khai thác; 4,0 ngày đối với trường hợp cần xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt phương án khai thác
Bước 3	Xét duyệt và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt kết quả thẩm định TTHC.	Lãnh đạo phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	2,0 ngày
Bước 4	Xét duyệt kết quả TTHC tại Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Sở	2,0 ngày
Bước 5	Phát hành văn bản, chuyển kết quả cho Trung tâm PVHCC tỉnh.	Văn thư + Chuyên viên	1,0 ngày
Bước 6	Nhận kết quả; xác nhận trên phần mềm về kết quả đã có, lưu kho, thông báo trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức hoặc chuyển cho Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã để trả cho cá nhân, tổ chức	- Trung tâm PVHCC tỉnh; - Trung tâm PVHCC cấp xã nơi nhận hồ sơ	0,5 ngày
Tổng thời gian giải quyết			TH1: 7,0 ngày TH2: 10 ngày

3. Thủ tục (1.000045): Xác nhận bằng kê lâm sản

STT	Trình tự/Nội dung công việc	Trách nhiệm giải quyết	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển xử lý hồ sơ - Thông báo bổ sung, hoàn thiện hoặc từ chối giải quyết hồ sơ (nếu có)	- Trung tâm PVHCC của tỉnh; - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Cơ quan Kiểm lâm sở tại	0,5 ngày
Bước 2	Thẩm định hồ sơ	- Chuyên viên được phân công thẩm định	0,5 ngày; 1,5 ngày trường hợp cần xác minh nguồn gốc lâm sản; 2,5 ngày trường hợp cần xác minh nguồn gốc lâm sản mà có nhiều nội dung phức tạp
Bước 3	Xét duyệt và trình Lãnh đạo Cơ quan Kiểm lâm sở tại phê duyệt kết quả thẩm định TTHC.	Lãnh đạo Cơ quan Kiểm lâm sở tại	0,25 ngày
Bước 4	Xét duyệt kết quả TTHC tại Cơ quan Kiểm lâm sở tại	Lãnh đạo Cơ quan Kiểm lâm sở tại	0,25 ngày
Bước 5	Phát hành văn bản, chuyển kết quả cho Trung tâm PVHCC tỉnh.	Văn thư + Chuyên viên	0,25 ngày
Bước 6	Nhận kết quả; xác nhận trên phần mềm	- Trung tâm PVHCC tỉnh;	0,25 ngày

	về kết quả đã có, lưu kho, thông báo trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Cơ quan Kiểm lâm sở tại	
Tổng thời gian giải quyết			TH1: 02 ngày làm việc TH2: 04 ngày làm việc

4. Thủ tục (1.000047): Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên

STT	Trình tự/Nội dung công việc	Trách nhiệm giải quyết	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển xử lý hồ sơ - Thông báo bổ sung, hoàn thiện hoặc từ chối giải quyết hồ sơ (nếu có)	- Trung tâm PVHCC của tỉnh; - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Cơ quan Kiểm lâm sở tại	1,0 ngày
Bước 2	Thẩm định hồ sơ	- Chuyên viên được phân công thẩm định	3,0 ngày
Bước 3	Xét duyệt và trình Lãnh đạo Cơ quan Kiểm lâm sở tại phê duyệt kết quả thẩm định TTHC.	Lãnh đạo Cơ quan Kiểm lâm sở tại	0,5 ngày
Bước 4	Xét duyệt kết quả TTHC tại Cơ quan Kiểm lâm sở tại	Lãnh đạo Cơ quan Kiểm lâm sở tại	0,5 ngày
Bước 5	Phát hành văn bản, chuyển kết quả cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Cơ quan Kiểm lâm sở tại	Văn thư + Chuyên viên	0,5 ngày
Bước 6	Nhận kết quả; xác nhận trên phần mềm về kết quả đã có, lưu kho, thông báo trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức	- Trung tâm PVHCC tỉnh; - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Cơ quan Kiểm lâm sở tại	0,5 ngày
Tổng thời gian giải quyết			06 ngày

5. Thủ tục (3.000160): Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ

STT	Trình tự/Nội dung công việc	Trách nhiệm giải quyết	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển xử lý hồ sơ (Đối với trường hợp tiếp nhận tại Trung tâm PVHCC xã thì chuyển về Trung tâm PVHCC tỉnh). - Thông báo bổ sung, hoàn thiện hoặc từ chối giải quyết hồ sơ (nếu có):	- Trung tâm PVHCC của tỉnh; - Trung tâm PVHCC cấp xã nơi nhận hồ sơ	0,5 ngày
Bước 2	Thẩm định hồ sơ:	Chuyên viên được phân công thẩm định	3 ngày
	Trường hợp 1: Không kiểm tra xác minh.		

	Trường hợp 2: Phải phải kiểm tra xác minh.		11 ngày
Bước 3	Xét duyệt và trình Lãnh đạo Chi cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm kết quả thẩm định TTHC.	Lãnh đạo phòng chuyên môn - Chi cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm	0,5 ngày
Bước 4	Xét duyệt kết quả TTHC tại Chi cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Lãnh đạo Chi cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm	0,5 ngày
Bước 5	Phát hành văn bản, chuyển kết quả cho Trung tâm PVHCC tỉnh.	Văn thư + Chuyên viên	0,25 ngày
Bước 6	Nhận kết quả; xác nhận trên phần mềm về kết quả đã có, lưu kho, thông báo trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức hoặc chuyển cho Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã để trả cho cá nhân, tổ chức	- Trung tâm PVHCC tỉnh; - Trung tâm PVHCC cấp xã nơi nhận hồ sơ	0,25 ngày
Tổng thời gian giải quyết			- TH1: 5 ngày - TH2: 13 ngày

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Thủ tục (3.000502): Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư

STT	Trình tự/Nội dung công việc	Trách nhiệm giải quyết	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển xử lý hồ sơ (Đối với trường hợp tiếp nhận tại Trung tâm PVHCC tỉnh thì chuyển về Trung tâm PVHCC xã). - Thông báo bổ sung, hoàn thiện hoặc từ chối giải quyết hồ sơ (nếu có)	- Trung tâm PVHCC của tỉnh; - Trung tâm PVHCC cấp xã nơi nhận hồ sơ	1,0 ngày
Bước 2	Thẩm định hồ sơ	- Lãnh đạo phòng - Chuyên viên được phân công	13,0 ngày
Bước 3	Xét duyệt và trình Lãnh đạo UBND xã phê duyệt kết quả TTHC.	Lãnh đạo phòng chuyên môn cấp xã	2,0 ngày
Bước 4	Xét duyệt kết quả TTHC tại UBND xã	Lãnh đạo UBND xã	7,0 ngày
Bước 5	Phát hành văn bản, chuyển kết quả cho Trung tâm PVHCC xã.	Văn thư + Chuyên viên	0,5 ngày
Bước 6	Nhận kết quả; xác nhận trên phần mềm về kết quả đã có, lưu kho, thông báo trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức hoặc chuyển cho Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh để trả cho cá nhân, tổ chức	- Trung tâm PVHCC cấp xã nơi nhận hồ sơ	0,5 ngày
Tổng thời gian giải quyết			24 ngày

2. Thủ tục (1.012922): Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng

STT	Trình tự/Nội dung công việc	Trách nhiệm giải quyết	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển xử lý hồ sơ (Đối với trường hợp tiếp nhận tại Trung tâm PVHCC tỉnh thì chuyển về Trung tâm PVHCC xã). - Thông báo bổ sung, hoàn thiện hoặc từ chối giải quyết hồ sơ (nếu có)	- Trung tâm PVHCC của tỉnh; - Trung tâm PVHCC cấp xã nơi nhận hồ sơ	0,5 ngày
Bước 2	Thẩm định hồ sơ	- Lãnh đạo phòng - Chuyên viên được phân công	1,5 ngày
Bước 3	Xét duyệt và trình Lãnh đạo UBND xã phê duyệt kết quả TTHC.	Lãnh đạo phòng chuyên môn	1,0 ngày

Bước 4	Xét duyệt kết quả TTHC tại UBND xã	Lãnh đạo UBND xã	1,0 ngày
Bước 5	Phát hành văn bản, chuyển kết quả cho Trung tâm PVHCC xã.	Văn thư + Chuyên viên	0,5 ngày
Bước 6	Nhận kết quả; xác nhận trên phần mềm về kết quả đã có, lưu kho, thông báo trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức hoặc chuyển cho Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh để trả cho cá nhân, tổ chức	- Trung tâm PVHCC cấp xã nơi nhận hồ sơ	0,5 ngày
Tổng thời gian giải quyết			5,0 ngày

3. Thủ tục (1.012531): Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân

STT	Trình tự/Nội dung công việc	Trách nhiệm giải quyết	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển xử lý hồ sơ (Đối với trường hợp tiếp nhận tại Trung tâm PVHCC xã thì chuyển về Trung tâm PVHCC tỉnh) - Thông báo bổ sung, hoàn thiện hoặc từ chối giải quyết hồ sơ (nếu có)	- Trung tâm PVHCC của tỉnh; - Trung tâm PVHCC cấp xã nơi nhận hồ sơ	1,0 ngày
Bước 2	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên được phân công thẩm định	8,0 ngày
Bước 3	Xét duyệt và trình Lãnh đạo Sở phê duyệt kết quả thẩm định TTHC.	Lãnh đạo phòng, chi cục - Chi cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm	1,0 ngày
Bước 4	Xét duyệt kết quả TTHC tại Sở chuyển Văn thư sở phát hành.	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	2,0 ngày
Bước 5	Phát hành, chuyển Bộ phân 1 của của Sở	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày
Bước 6	Chuyển hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh	Công chức, viên chức của Sở tại Trung tâm PVHCC tỉnh	
Bước 7	Văn phòng UBND tỉnh		
Bước 7.1	Kiểm tra, tiếp nhận, chuyển xử lý hồ sơ	TTPVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 7.2	Xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo VPUBND tỉnh phê duyệt	Chuyên viên theo dõi lĩnh vực	3,0 ngày
Bước 7.3	Duyệt hồ sơ, trình lãnh đạo UBND tỉnh ký	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	1,0 ngày
Bước 7.4	Ký hồ sơ, chuyển phát hành	Lãnh đạo UBND tỉnh	2,0 ngày
Bước 7.5	Phát hành văn bản, (số hóa đối với các kết quả TTHC chưa được ký số phát hành) chuyển kết quả cho Trung tâm PVHCC tỉnh.	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày

Bước 8	Nhận kết quả; xác nhận trên phần mềm về kết quả đã có, lưu kho, thông báo trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức hoặc chuyển cho Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã để trả cho cá nhân, tổ chức	- Trung tâm PVHCC tỉnh; - Trung tâm PVHCC cấp xã nơi nhận hồ sơ	0,5 ngày
Tổng thời gian giải quyết			20 ngày

4. Thủ tục (1.011471): Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã.

STT	Trình tự/Nội dung công việc	Trách nhiệm giải quyết	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển xử lý hồ sơ (Đối với trường hợp tiếp nhận tại Trung tâm PVHCC tỉnh thì chuyển về Trung tâm PVHCC xã). - Thông báo bổ sung, hoàn thiện hoặc từ chối giải quyết hồ sơ (nếu có)	- Trung tâm PVHCC của tỉnh; - Trung tâm PVHCC cấp xã nơi nhận hồ sơ	1,0 ngày
Bước 2	Thẩm định hồ sơ	- Lãnh đạo phòng - Chuyên viên được phân công	1,0 ngày làm việc với trường hợp không cần xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt phương án khai thác; 4,0 ngày làm việc với trường hợp cần xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt phương án khai thác
Bước 3	Xét duyệt và trình Lãnh đạo UBND xã phê duyệt kết quả TTHC.	Lãnh đạo phòng chuyên môn	1,0 ngày
Bước 4	Xét duyệt kết quả TTHC tại UBND xã	Lãnh đạo UBND xã	3,0 ngày
Bước 5	Phát hành văn bản, chuyển kết quả cho Trung tâm PVHCC xã.	Văn thư + Chuyên viên	0,5 ngày
Bước 6	Nhận kết quả; xác nhận trên phần mềm về kết quả đã có, lưu kho, thông báo trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức hoặc chuyển cho Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh để trả cho cá nhân, tổ chức	- Trung tâm PVHCC cấp xã nơi nhận hồ sơ	0,5 ngày
Tổng thời gian giải quyết			TH 1: 07 ngày làm việc TH 2: 10 ngày làm việc

5. Thủ tục (1.004082) Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích

STT	Trình tự/Nội dung công việc	Trách nhiệm giải quyết	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển xử lý hồ sơ - Thông báo bổ sung, hoàn thiện hoặc từ chối giải quyết hồ sơ (nếu có)	- Trung tâm PVHCC cấp xã nơi nhận hồ sơ	0,25 ngày
Bước 2	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên được phân công	1,5 ngày
Bước 3	Xác nhận Hợp đồng	- Lãnh đạo xã	1,0 ngày
Bước 4	Nhận kết quả; xác nhận trên phần mềm về kết quả đã có, lưu kho, thông báo trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức	- Trung tâm PVHCC cấp xã	0,25 ngày
Tổng thời gian giải quyết			03 ngày làm việc

BIỂU TỔNG HỢP DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TTHC: Thủ tục hành chính.

QTNB: Quy trình nội bộ.

TT	Mã TTHC	LĨNH VỰC/THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Quyết định công bố DM TTHC	Số ngày thực hiện TTHC theo DM TTHC	Số ngày thực hiện TTHC theo QTNB
A	Danh mục thủ tục hành chính cấp tỉnh				
I	Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh				
I.1	Lĩnh vực Lâm nghiệp, kiểm lâm				
1	1.014021	Thu hồi giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trong trường hợp cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học đề nghị thu hồi giấy chứng nhận	Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 21/7/2025	10 ngày làm việc	10 ngày làm việc
2	1.014022	Quy trình thực hiện thả lại loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ nuôi sinh sản tại cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 21/7/2025	16 ngày làm việc	16 ngày làm việc
3	3.000496	Cấp lại mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES	Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 21/7/2025	TH2: 15,0 ngày; TH3: 24,0 ngày; TH4: 9,0 ngày.	TH1: 3,0 ngày; TH2: 15,0 ngày; TH3: 24,0 ngày; TH4: 9,0 ngày.
4	1.008672	Cấp giấy phép khai thác mẫu vật loài nguy cấp, quý, hiếm từ tự nhiên	Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 21/7/2025	18 ngày làm việc	18 ngày làm việc
5	1.008675	Cấp phép trao đổi, tặng cho mẫu vật của loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 21/7/2025	15 ngày làm việc	15 ngày làm việc
6	1.008682	Cấp giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 21/7/2025	27 ngày làm việc	27 ngày làm việc
7	1.004819	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES	Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 21/7/2025	TH2: 15,0 ngày; TH3: 24,0 ngày; TH4: 9,0 ngày.	TH1: 3,0 ngày; TH2: 15,0 ngày; TH3: 24,0 ngày; TH4: 9,0 ngày.
8		Phê duyệt nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay	Quyết định số 354/QĐ-		

TT	Mã TTHC	LĨNH VỰC/THỦ TỤC HÀNH CHÍNH		Quyết định công bố DM TTHC	Số ngày thực hiện TTHC theo DM TTHC	Số ngày thực hiện TTHC theo QTNB	
	1.007916	thế		UBND ngày 16/7/2025			
		8.1	Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí đất để trồng rừng thay thế trên địa bàn		15 ngày	15 ngày	
		8.2	Địa phương không bố trí được đất để trồng rừng				
			8.2.1		Củ dự án không đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền	35 ngày	35 ngày
			8.2.2		Trường hợp Chủ dự án đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền	26 ngày	26 ngày
II	Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường						
II.1	Lĩnh vực Lâm nghiệp, kiểm lâm						
9	3.000501	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là tổ chức thuộc địa phương quản lý		Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 21/7/2025	26 ngày làm việc	26 ngày làm việc	
10	1.011470	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng		Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 21/7/2025	TH1: 07 ngày TH2: 10 ngày	TH1: 07 ngày TH2: 10 ngày	
11	1.000045	Xác nhận bảng kê lâm sản		Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 21/7/2025	- TH1: 02 ngày làm việc	- TH1: 02 ngày làm việc	

TT	Mã TTHC	LĨNH VỰC/THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Quyết định công bố DM TTHC	Số ngày thực hiện TTHC theo DM TTHC	Số ngày thực hiện TTHC theo QTNB
				- TH2: 03 ngày làm việc	- TH2: 03 ngày làm việc
12	1.000047	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 21/7/2025	06 ngày làm việc	06 ngày làm việc
13	3.000160	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ	Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 21/7/2025	- TH1: 5 ngày - TH2: 13 ngày	- TH1: 5 ngày - TH2: 13 ngày
B	Danh mục thủ tục hành chính cấp xã				
I	Lĩnh vực Lâm nghiệp, kiểm lâm				
1	3.000502	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 21/7/2025	24 ngày	24 ngày
2	1.012922	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 21/7/2025	05 ngày	05 ngày
3	1.012531	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 21/7/2025	20 ngày	20 ngày
4	1.011471	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã.	Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 21/7/2025	07 ngày làm việc	07 ngày làm việc
II	Lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học				
5	1.004082	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	Quyết định số 1651/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	03 ngày làm việc	03 ngày làm việc

